

Cao Bằng, ngày 20 tháng 6 năm 2023

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 16 (huyện Hà Quảng)

Phần A.III, IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 20/5/2023



STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Chu Văn Bộ	7,50	Bảy phẩy năm	31	Nguyễn Tuấn Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Trần Văn Bốn	6,75	Sáu phẩy bảy năm	32	Dương Thị Lâm	8,00	Tám
3	Nông Đình Chiều	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Bé Thanh Lịch	6,75	Sáu phẩy bảy năm
4	Hoàng Văn Đông	7,00	Bảy	34	Hà Thị Liễu	8,00	Tám
5	Đàm Văn Đức	7,00	Bảy	35	Hà Thị Lựu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Hoàng Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	36	Lương Thị Luyến	7,00	Bảy
7	Hoàng Thị Dung	7,00	Bảy	37	Hà Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Phạm Thị Dung	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Trần Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nông Dũng Hà	8,25	Tám phẩy hai năm	39	Triệu Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lương Thị Hạ	7,50	Bảy phẩy năm	40	Quách Trọng Nghĩa	8,00	Tám
11	Nguyễn Thị Hằng	8,00	Tám	41	Nông Văn Nguyễn	7,00	Bảy
12	Đàm Thị Hạnh	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị Nhậm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Đường Thị Hạnh	6,00	Sáu	43	Đinh Thị Như Quỳnh	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Nông Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	44	Vi Thị Hồng Thi	8,00	Tám
15	Nông Thị Hậu	8,00	Tám	45	Hà Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
16	Đàm Thu Hiền	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Đào Minh Thuận	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Sầm Hoàng Hiền	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Tô Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Văn Hiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Hoàng Văn Thuật	7,50	Bảy phẩy năm
19	Lã Thị Hiếu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Hoàng Thị Biên Thùy	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Hoàng Thị Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	La Văn Tiến	7,50	Bảy phẩy năm
21	Triệu Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Hoàng Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Nông Thị Huệ	8,00	Tám	52	Phan Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
23	Lương Thị Minh Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	53	Vương Văn Trung	6,75	Sáu phẩy bảy năm
24	Đàm Mạnh Hùng	8,00	Tám	54	Hoàng Văn Tuệ	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Hoàng Văn Hữu	8,00	Tám	55	Hà Thị Tươi	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Hoàng Thị Huyền	7,00	Bảy	56	Nông Thị Uyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Mạc Thị Thanh Huyền	7,00	Bảy	57	Đàm Trọng Vĩnh	8,00	Tám
28	Nông Thị Huyền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	58	Mã Thị Yên	8,00	Tám
29	Nông Thị Thu Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Hoàng Thị Ngân	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Lý Văn Khánh	7,50	Bảy phẩy năm				

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 11 điểm; Điểm 7,50: 10 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 11 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

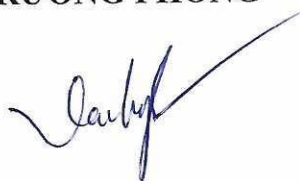
**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Triệu Văn Lượng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**